

Số:02/QĐ-TKT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026
của Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh

TRƯỞNG THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 61/2017/TT-BTC hướng dẫn công khai ngân sách với đơn vị dự toán ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 912/QĐ-CTK ngày 11/7/2025 của Cục trưởng Cục Thống kê về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc Cục Thống kê;

Căn cứ Quyết định số 1401/QĐ-CTK ngày 30/12/2025 của Cục trưởng Cục Thống kê về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Kế toán trưởng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Kế toán trưởng và các Phòng, Thống kê cơ sở tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục Thống kê;
- Lãnh đạo TKTP (để báo cáo);
- Lưu VP, Kế toán.

TRƯỞNG THỐNG KÊ



Nguyễn Khắc Hoàng



Đơn vị: Thống kê TP.Hồ Chí Minh

Chương: 018

THỐNG KÊ
THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Kèm theo Quyết định số 02 /QĐ-TKT ngày 13 tháng 01 năm 2026
của Trưởng Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh)

DVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
II	Dự toán chi ngân sách Nhà nước	322.140.000.000
1	Chi quản lý hành chính	321.988.000.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	63.108.000.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	258.880.000.000
2	Nghiên cứu khoa học	-
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	152.000.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	152.000.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-
5	Chi bảo đảm xã hội	-
6	Chi hoạt động kinh tế	-
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-
11	Chi Chương trình mục tiêu	-